

S : 84 /2011/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2011

THÔNG TƯ

Quy định nội dung và quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý

Căn cứ Nghị quyết của Chính phủ số 01/2008/N -CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và số 75/2009/N -CP ngày 10 tháng 9 năm 2009 sửa đổi, bổ sung 3 Nghị quyết số 01/2008/N -CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Thủ tục số 61/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều liên quan đến đầu tư xây dựng công bố số 38/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009;

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định nội dung và quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước do Bộ quản lý như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về trình tự, thủ tục và trách nhiệm, quyền hạn của các Tổng cục, Cục, Vụ thuộc Bộ và tổ chức, cá nhân có liên quan trong quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình (sau đây gọi tắt là dự án) sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước (Vốn ngân sách tập trung, vốn trái phiếu Chính phủ) do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.

Thông tư này không điều chỉnh nội dung các dự án ODA và các dự án lâm sinh theo Quyết định số 73/2010/Q -TTg ngày 06/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ và ban hành Quy chế quản lý đầu tư xây dựng công trình lâm sinh.

i u 2. i t ng áp d ng

Các T ng c c, C c, V thu c B và các t ch c, cá nhân liên quan trong vi c qu n lý d án u t xây d ng công trình s d ng ngu n v n ngân sách nhà n c do B Nông nghi p và Phát tri n nông thôn qu n lý.

Ch ng II

TRÌNH T , TH T C TRI N KHAI D ÁN U T XÂY D NG CÔNG TRÌNH

i u 3. Ch tr ng u t

1. L p ch tr ng u t : C n c vào quy ho ch phát tri n ngành, quy ho ch xây d ng c phê duy t, V K ho ch t ng h p xu t yêu c u u t c a các n v , l y ý ki n các n v liên quan và Th tr ng ph trách, trình B tr ng quy t nh ch tr ng u t .

2. Th m quy n phê duy t ch tr ng u t : B tr ng B Nông nghi p và Phát tri n nông thôn phê duy t ch tr ng u t .

3. N i dung quy t nh phê duy t ch tr ng u t , g m: Tên d án; tên ch u t ; a i m d ki n xây d ng công trình; nhi m v ; quy mô d án; ngu n v n u t d án; n v u m i th m nh và phân công Lãnh o B ph trách.

i u 4. Ch u t và t ch c qu n lý d án

1. Ch u t d án do B tr ng quy t nh khi phê duy t ch tr ng u t . M t d án có th có m t ho c nhi u ch u t .

2. i v i d án có nhi u ch u t , B giao cho m t ch u t làm u m i có nhi m v t ng h p toàn b d án. Các ch u t ch u trách nhi m toàn di n trong ph m vi c giao qu n lý và có trách nhi m ph i h p v i ch u t c giao làm u m i trong quá trình th c hi n d án. Tr ng h p ch u t c giao làm u m i hoàn thành bàn giao quy t toán tr c, B s ch nh m t n v làm u m i trong s các ch u t còn l i.

3. Trong giai o n l p d án u t , ch u t c B giao làm u m i có nhi m v cung c p h s d án (các ph ng án ch n, ph m vi s d ng t, t i n thi công các h ng m c công trình) cho a ph ng làm c n c l p ph ng án b i th ng, h tr và tái nh c .

i u 5. L p D án u t , Báo cáo kinh t - k thu t

1. Ch u t t ch c l p c ng (ho c nhi m v) cho công tác t v n kh o sát thi t k giai o n l p d án u t ho c báo cáo kinh t - k thu t ph i có ý ki n th a thu n b ng v n b n c a n v u m i th m nh tr c khi phê duy t.

2. Nội dung dự án đầu tư, báo cáo kinh tế - kỹ thuật phải bố trí các yêu cầu theo quy định của Pháp luật hiện hành và các yêu cầu sau:

a) Phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành và quy hoạch xây dựng và quy định của Luật bảo vệ môi trường số: 52/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005. Trường hợp dự án không có trong quy hoạch ngành có thẩm quyền phê duyệt, thì căn cứ theo quy định tại khoản 3 điều 6 Nghị định 12/2009/NĐ-CP; phải lập các phương án thi công và phương án công nghệ có các giải pháp an toàn thi công và an toàn trong xây dựng, vận hành, khai thác, sử dụng công trình, an toàn phòng, chống lụt bão, cháy, nổ và bảo vệ môi trường; bố trí chi phí kinh tế - xã hội;

b) Có phương án bố trí, hỗ trợ và tái định cư phê duyệt theo quy định pháp luật;

c) Lập phương án và kinh phí phòng chống lụt bão cho công trình, tổng hợp vào phần chi khác trong tổng mức đầu tư xây dựng công trình (nếu có).

Điều 6. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư, báo cáo kinh tế - kỹ thuật

1. Các Tổng Công ty, Công ty, Văn phòng là đơn vị thẩm định các dự án đầu tư và Báo cáo giao tiếp Quy trình phê duyệt chi trả đầu tư.

Đơn vị thẩm định phải xuất văn bản thẩm tra (nếu có) ngay trong giai đoạn lập dự án thẩm tra mặt pháp lý hoàn toàn nội dung dự án, trình nghị quyết nhà đầu tư quyết định, làm cơ sở cho đầu tư thực hiện các bước tiếp theo.

2. Chi phí tổ chức thẩm định thi công, đo đạc và vẽ báo cáo kinh tế - kỹ thuật trước khi trình nghị quyết nhà đầu tư phê duyệt.

3. Thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư, báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Báo cáo phê duyệt dự án nhóm A, các dự án quan trọng và có ý nghĩa phát triển của ngành và phân công cho các Trưởng phòng trách phê duyệt các dự án còn lại.

Điều 7. Điều chỉnh dự án đầu tư

1. Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình.

Dự án đầu tư chỉ được phép điều chỉnh khi có mặt trong các trường hợp sau: biến động bất lợi thiên tai như động đất, bão, lũ lụt, sóng thần, biến đổi khí hậu hoặc các sự kiện bất khả kháng khác; xuất hiện các yếu tố mới liên quan cao hơn cho dự án; khi quy hoạch xây dựng thay đổi trực tiếp như biến đổi địa điểm, quy mô, tính chất, mục tiêu của dự án;

Trên hợp công trình hoặc công trình cần thay đổi thi công so với thi công sẽ phê duyệt hoặc có khả năng phát sinh vượt 1 (%) chi phí dự phòng và khả năng công trình hoặc công trình trong tổng mức đầu tư cần thì chủ đầu tư phải báo cáo ngay quy trình để xem xét, quy trình.

2. Khi lập dự án đầu tư chủ đầu tư phải thực hiện Báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư (trừ các dự án không phải thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư).

Điều 8. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt thi công, dự toán

1. Chủ đầu tư thực hiện thẩm định, phê duyệt thi công, dự toán và thẩm định dự toán phù hợp với thi công sẽ phê duyệt và thực hiện các quy định sau đây:

a) Đối với các dự án các loại nêu trong quy định phê duyệt dự án đầu tư, phải thực hiện báo cáo giá pháp thi công trình và ngân sách thẩm định có ý kiến trước khi phê duyệt. Đối với công trình có yêu cầu kỹ thuật phức tạp hoặc áp dụng công nghệ mới chủ đầu tư phải báo cáo ngay quy trình để xem xét, phê duyệt thi công;

b) Đối với báo cáo kinh tế - kỹ thuật thì dự toán công trình kinh tế là Tổng mức đầu tư. Dự toán công trình bao gồm chi phí bản vẽ, thiết kế và tái thiết (nếu có) và do ngay quy trình để phê duyệt. Trên hợp cần lập dự toán mà giá trị dự toán không vượt giá trị dự toán sẽ phê duyệt thì chủ đầu tư thực hiện thẩm định, phê duyệt; trên hợp vượt giá trị dự toán hoặc nếu chủ đầu tư thay đổi mục tiêu, nhiệm vụ, quy mô, các nội dung đầu tư sẽ phê duyệt thì chủ đầu tư phải báo cáo ngay quy trình để xem xét, quy trình.

2. Dự toán chi phí giải phóng đất đai:

Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thực hiện thẩm định và phê duyệt dự toán chi phí cùng với nhiệm vụ (hoặc công nghệ thi công) giải phóng đất đai phù hợp với chức năng dự án sẽ thực hiện phê duyệt và theo quy định của pháp luật. Nhiệm vụ và dự toán chi phí này là cơ sở chủ đầu tư là chủ nhà thầu và lập dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định của Luật đầu tư;

Trước khi phê duyệt chủ đầu tư phải báo cáo B (qua ngân sách thẩm định dự án) nhiệm vụ hoặc công nghệ thi công.

3. Sau khi phê duyệt, chủ đầu tư gửi quy trình phê duyệt kèm theo báo cáo thẩm định và toàn bộ các báo cáo thẩm tra và B (qua ngân sách thẩm định dự án) không quá 07 ngày làm việc tiếp theo để, kiểm tra.

Chương III CÔNG TÁC U TH U

Đ i u 9. Kế hoạch u th u

1. Ch u t khi phân chia các gói th u ngoài vi c ph i c n c tính ch t k thu t, trình t th c hi n, b o m tính ng b c a d án, c n b o m gói th u có quy mô h p lý, phù h p v i i u ki n n ng l c c a nhà th u trong n c, b o m các i u ki n c nh tranh t i a cho các doanh nghi p trong n c nh n c h p ng, t o công n vi c làm cho lao ng trong n c.

2. Ch t ch c u th u qu c t khi hàng hóa, v t t , thi t b trong n c ho c nhà th u trong n c không áp ng c yêu c u c a gói th u ho c trong n c ch a kh n ng s n xu t. Không t ch c u th u qu c t gói th u EPC (là gói th u bao g m toàn b các công vi c thi t k , cung c p thi t b , v t t và xây l p)

i v i các d án trong ó có nhi u ph n công vi c mà các nhà th u Vi t Nam có th tham gia cung c p d ch v , hàng hóa, xây l p.

Ch u t không c s d ng lao ng n c ngoài khi lao ng trong n c kh n ng áp ng c yêu c u th c hi n gói th u.

3. i v i các gói th u có giá tr trong h n m c c ch nh th u theo quy nh c a Chính ph , khi ngh ch nh th u, ch u t ph i nêu rõ c tính c p thi t, c thù chuyên ngành và b o m vi c ch nh th u hi u qu h n u th u r ng rãi b ng cách l ng hóa qua các y u t v : ti n , kinh t , ch t l ng và các y u t kinh t - xã h i khác.

4. Tr ng h p c n i u ch nh n i dung gói th u trong kế hoạch u th u, ch u t ph i ti n hành th t c i u ch nh kế hoạch u th u theo các quy nh c a pháp lu t.

Đ i u 10. Chu n b u th u

1. Ch u t l p, phê duy th s m i th u, h s yêu c u:

a) H s m i th u ph i bao g m các yêu c u quan tr ng (i u ki n tiên quy t) làm c n c lo i b h s d th u; h s m i th u, h s yêu c u ph i c óng d u giáp lai tr c khi phát hành; h s m i th u, h s yêu c u không c quy nh các i u ki n nh m h n ch s tham gia c nh tranh c a các nhà th u; c n có h ng d n chi ti t c th v quy cách và niêm phong h s d th u; quy nh h s d th u ph i c ánh máy, in b ng m c không t y c, ánh s trang theo th t liên t c và óng d u giáp lai c a nhà th u ho c nhà th u i di n h p pháp gi a các trang li nk , b nch ph s d th u ph i c ch p t b ng c h s d th u;

b) Trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu phải có yêu cầu về việc chào thầu bằng ngân Việt Nam và về các chi phí trong nước; chỉ cho phép chào thầu bằng ngoại tệ về các nội dung chi phí (hàng hóa, dịch vụ) có nguồn gốc từ nước ngoài khi trong nước chưa đáp ứng yêu cầu mà nhà thầu phải nhập khẩu từ nước ngoài;

c) Trong quy trình phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu cách xuất phải có chi tiết các tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ thầu, hồ sơ xuất.

2. Chi tiết phải ghi quy trình phê duyệt kèm Báo cáo thẩm định (có file hồ sơ theo Font chữ Times New Roman) và B (qua ngân và thẩm định) trình duyệt theo dõi, kiểm tra sau khi phê duyệt không quá 03 ngày làm việc.

Điều 11. Tổ chức thầu và hợp đồng

1. Chi tiết không có tổ chức thầu khi chưa có mặt bằng thi công theo tiến độ và chưa có nguồn vốn thực hiện gói thầu.

2. Thời điểm tổ chức thầu, chi tiết phải phê duyệt dự toán gói thầu theo quy định. Trình hợp đồng dự toán gói thầu (không bao gồm phòng) trình cao hơn so với giá gói thầu đã duyệt trong kế hoạch thầu thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu làm cơ sở xét thầu mà không phải làm thủ tục iu chnh giá gói thầu trong kế hoạch thầu đã duyệt, vì iu kiện phân bổ vốn trong ghi nhận 1% giá trị dự phòng của hàng mua trong tổng mua (gồm dự phòng khi lập ngân và dự phòng trừ giá), nhưng giá trị dự phòng của hàng mua, chi tiết phải trình nghị quyết nhà nước xem xét, chấp thuận trước khi thực hiện.

3. Chi tiết phải ghi biên bản mua thầu và B (qua ngân và thẩm định) trình duyệt, theo dõi sau khi mua thầu không quá 01 ngày làm việc.

4. Chi tiết phải ghi Quy trình phê duyệt kết quả thầu, kết quả chấp thuận kèm Báo cáo đánh giá hồ sơ thầu, hồ sơ xuất và báo cáo thẩm định kết quả thầu và B (qua ngân và thẩm định) trình duyệt, theo dõi sau khi phê duyệt không quá 03 ngày làm việc.

5. Hợp đồng ký kết giữa chi tiết và nhà thầu phải thỏa thuận các trình hợp đồng iu chnh hợp đồng, iu chnh giá hợp đồng, iu chnh tiến hành, trình tự, phạm vi, phương pháp và các iu chnh giá hợp đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu cần thì phải iu chnh thì tiết, dự toán cho phù hợp với thực tế hiện tại và giá chốt trình, trước khi ký phần chấp nhận iu chnh, bổ sung, chi tiết phải phê duyệt dự toán iu chnh khi lập ngân công việc phát sinh và ngân iu chnh; trình hợp đồng giá hợp đồng sau khi iu chnh cao hơn dự toán gói thầu cộng (+) với 1 phần trăm (%) giá trị dự phòng của hàng mua trong tổng mua (gồm dự phòng khi lập ngân và dự phòng trừ giá) thì chi tiết báo cáo nghị quyết nhà nước xem xét, chấp thuận trước khi thực hiện.

6. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức lập danh sách các nhà thầu, các gói thầu có liên quan vì phạm pháp luật về đầu tư, vốn đầu tư trong hoạt động xây dựng báo cáo B theo nh k .

Điểm 12. Kiểm tra, giám sát quy trình thi công xây dựng

1. Kiểm tra về đầu tư: đơn vị chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm chỉ đạo kiểm tra về công tác đầu tư của chủ đầu tư trong việc chấp hành các quy định về đầu tư.

2. Giám sát quy trình thi công xây dựng:

a) Bên chủ đầu tư và chủ đầu tư chịu trách nhiệm chỉ đạo giám sát quy trình thi công xây dựng thực hiện quy định;

b) Đơn vị chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm chỉ đạo giám sát quy trình thi công xây dựng thực hiện quy định của ngành giám sát nhà thầu .

Chương IV QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG, TIỀN VÀ AN TOÀN CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Điểm 13. Quản lý chất lượng khi khảo sát xây dựng

1. Trước khi thực hiện công việc khảo sát xây dựng, chủ đầu tư phải thực hiện lập và phê duyệt: nhiệm vụ khảo sát xây dựng, phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng theo quy định. Nội dung giai đoạn lập dự án đầu tư hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, chủ đầu tư thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này.

2. Chủ đầu tư phải thực hiện việc giám sát công tác khảo sát xây dựng theo quy định:

a) Tổ chức lập kế hoạch giám sát thực hiện xuyên công tác khảo sát và quản lý hồ sơ kỹ thuật khảo sát nhà thầu khi hoàn thành công việc theo quy định;

Trên hình ảnh, ảnh chụp thực tế, các nội dung khảo sát bổ sung số liệu công trình phê duyệt thì chủ đầu tư báo cáo ngành giám sát nhà thầu xem xét, quy định;

b) Tổ chức nghiệm thu kết quả khảo sát xây dựng theo quy định. Sau khi nghiệm thu khảo sát xây dựng, chủ đầu tư chịu trách nhiệm quản lý hồ sơ khảo sát xây dựng và tổ chức báo cáo nhà thầu nghiệm thu hình ảnh; các mẫu, nền khoan ảnh chụp thực tế cho các bộ phận tiếp theo.

i u 14. Quy n lý ch t l ng thi t k xây d ng công trình

1. Ch ut t ch c l p, th m nh và phê duy t thi t k xây d ng theo quy nh và ch u trách nhi m tr c pháp lu t v ch t l ng thi t k xây d ng công trình, bao g m:

a) K t qu th m nh, phê duy t thi t k k thu t, thi t k b n v thi công ph i c th hi n b ng v n b n (báo cáo th m nh, quy t nh phê duy t), g m các n i dung sau: S phù h p c a thi t k k thu t v i thi t k c s , s phù h p c a thi t k b n v thi công v i thi t k b c tr c; s h p lý c a các gi i pháp k t c u công trình; s tuân th các quy chu n, tiêu chu n xây d ng c áp d ng; ánh giá m c an toàn công trình; s h p lý c a vi c l a ch n dây chuy n và thi t b công ngh i v i công trình có yêu c u công ngh ; s tuân th các quy nh v môi tr ng, v phòng cháy, ch a cháy, v phòng ch ng l t bão;

b) Tr ng h p ch ut thuê t v n th m tra m t ph n ho c toàn b các n i dung trên làm c s cho vi c th m nh, thì k t qu báo cáo th m tra ph i y các n i dung yêu c u. Ch trì th m tra thi t k và t ch c t v n th m tra thi t k xây d ng công trình ph i m b o n g l c và ch u trách nhi m tr c pháp lu t và ch ut v k t qu th m tra;

c) i v i vi c thi t k l a ch n thi t b , dây chuy n thi t b công ngh ho c con gi ng cây gi ng (g i chung là hàng hóa):

Giai o n thi t k k thu t, thi t k b n v thi công ph i a ra tiêu chu n ch t l ng cho hàng hoá, i u ki n ch ng nh n ch t l ng hàng hóa, h th ng quy n lý ch t l ng hàng hóa, ki m tra v ch t l ng hàng hoá trong quá trình s d ng;

Danh m c hàng hóa c l a ch n ngoài vi c ph i phù h p v i m c tiêu c a d án, t ng thích v i h th ng dây chuy n ã có (i v i d án c i t o, nâng c p) còn ph i áp ng c yêu c u c a các tiêu chu n, quy nh hi n hành;

d) Trong thành ph n h s thi t k k thu t, thi t k b n v thi công, bao g m: thuy t minh thi t k , các b n v thi t k , các tài li u kh o sát liên quan, quy trình b o trì công trình, d toán xây d ng công trình. Riêng công trình h ch a n c, ch ut ph i l p quy trình i u ti t n c h ch a, quy trình v n hành c a van các công trình tr c khi tích n c h ch a t ch c v n hành i u ti t m b o an toàn, hi u qu và t p h p trong h s bàn giao công trình.

2. Ch ut t ch c l p, th m nh, phê duy t thi t k k thu t ho c thi t k b n v thi công phù h p v i thi t k c s c duy t. Tr ng h p thi t k k thu t ho c thi t k b n v thi công thay i so v i thi t k c s thì th c hi n theo n i dung quy nh t i kho n l i u 7 Thông t này.

Điểm 15. Quy định chi tiết thi công xây dựng công trình

1. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức quản lý toàn bộ chi tiết thi công xây dựng các hạng mục công trình từ khi thi công xây dựng đến khi nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào khai thác sử dụng bảo trì chi tiết, nghiệm thu và tuân thủ các quy định hiện hành; chủ trách nhiệm trực tiếp luật lệ thi công thì dĩ nhiên dĩ nhiên không tuân thủ các quy định quản lý chi tiết công trình xây dựng.

2. Quản lý sử dụng công trình có trách nhiệm công việc tham gia với chủ đầu tư trong việc tổ chức lập dự án, thi công, theo dõi, quản lý, giám sát, nghiệm thu và tiếp nhận đưa công trình vào khai thác, sử dụng. Người công việc tham gia với chủ đầu tư là người sử dụng tham gia quản lý, sử dụng công trình sau này hoặc người có chuyên môn phù hợp với tính chất của dự án. Trường hợp công trình xây dựng mới, chủ đầu tư chính thức quản lý sử dụng thì chủ đầu tư báo cáo Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có công trình xây dựng trên địa bàn, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ định quản lý sử dụng công trình và cán bộ tham gia quản lý, giám sát.

3. Quy định an toàn công trình trong quá trình xây dựng:

Chủ đầu tư chỉ định người phụ trách nhà thầu thi công xây dựng thực hiện và duy trì công tác đảm bảo an toàn công trình trong quá trình xây dựng và công trình liên tục theo các quy định hiện hành.

Hàng năm trước mùa mưa bão, chủ đầu tư phải tổ chức lập, phê duyệt và phê duyệt phòng chống lụt bão cho công trình và tổ chức thực hiện đảm bảo an toàn công trình. Kinh phí thực hiện công tác phòng chống lụt bão cho công trình thực hiện theo điểm 5 Thông tư này.

Điểm 16. Quy định tiến độ thi công xây dựng công trình

1. Các tiến độ hoàn thành dự án, tiến độ trong hồ sơ dự thầu, biên bản thương thảo hợp đồng, kế hoạch vận chuyển, tiến độ ghi công bố sau khi ký kết hợp đồng, chủ đầu tư phê duyệt tiến độ thi công chi tiết cho từng hạng mục, từng gói thầu.

a) Đối với các hạng mục, gói thầu mới, chủ đầu tư tổ chức phê duyệt tiến độ thi công chi tiết do nhà thầu lập ngay sau khi ký kết hợp đồng.

Đối với các hạng mục, gói thầu có thời gian thực hiện kéo dài sang các năm sau, chủ đầu tư tổ chức phê duyệt tiến độ thi công chi tiết các hạng mục, khi lập xong còn lại trong tháng 01 hàng năm;

b) Sau khi phê duyệt không quá 07 ngày làm việc, chủ đầu tư gửi quy định phê duyệt tiến kèm theo các biểu tiến (gồm: tiến thi công chi tiết, tiến huy động nhân lực, tiến bản vẽ kỹ thuật) và B (qua ngân hàng) để thanh toán theo dõi, kiểm tra, chốt.

2. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức giám sát tiến thi công xây dựng công trình theo đúng tiến thi công chi tiết đã phê duyệt.

Trên hợp đồng chủ nhà tiến hợp đồng làm kéo dài tiến hoàn thành dự án thì chủ đầu tư phải báo cáo ngay quy định chủ đầu tư xem xét, quy định.

Điều 17. Bàn giao và công trình vào khai thác sử dụng.

1. Công trình, hạng mục công trình sau khi kết thúc xây dựng mở công khai nghiệm thu bàn giao cho ngân hàng quản lý sử dụng mở hồ sơ và tránh hình thức, xu hướng. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm bàn giao cho ngân hàng quản lý sử dụng theo quy định.

2. Ngân hàng quản lý sử dụng có nhiệm vụ tiếp nhận quản lý vận hành công trình mở hồ sơ. Riêng về các hạng mục mở hồ sơ chuyên nghiệp, chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu các phần và bàn giao cho ngân hàng quản lý sử dụng và lập hồ sơ trình Bộ quy định nghiệm thu bàn giao cho UBND cấp tỉnh (nếu có công trình trên địa bàn) quản lý theo Điều 8 Nghị định số 72/2007/NĐ-CP ngày 07/5/2007 của Chính phủ Quy định an toàn.

Chương V

THANH TOÁN VÀ QUY ĐỊNH TOÁN

Điều 18. Thanh toán và xây dựng công trình

1. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức nghiệm thu, thanh toán khối lượng hoàn thành (kể cả khối lượng phát sinh) cho các nhà thầu theo hợp đồng và tiến hành báo cáo ngay quy định chủ đầu tư và kết quả thực hiện và ghi ngân sách hàng tháng.

2. Chủ đầu tư thực hiện việc tạm ngừng cho nhà thầu và thu hồi tạm ngừng theo đúng quy định. Trên hợp đồng khác chủ đầu tư phải báo cáo ngay quy định chủ đầu tư xem xét, quy định.

Điều 19. Quy định toán và xây dựng công trình

1. Thẩm quy định quy định toán về các dự án do Bộ quy định chủ đầu tư: Bộ trưởng quy định phê duyệt quy định toán dự án hoàn thành:

Thẩm quyền phê duyệt quy định toán các dự án nhóm A và dự án nhóm B có tổng mức đầu tư trên 200 triệu.

V trình V Tài chính phê duyệt quy tắc toán các dự án nhóm B có tổng mức đầu tư 200 triệu đồng và dự án nhóm C do B quyết định (không bao gồm các dự án B trình ý kiến cho các Tổng công trình phê duyệt quy tắc toán các dự án do các nhân viên trực thuộc Tổng công trình làm chủ).

Tổng công trình các Tổng công trình phê duyệt quy tắc toán các dự án nhóm B có tổng mức đầu tư 200 triệu đồng, dự án nhóm C do các nhân viên trực thuộc Tổng công trình làm chủ.

2. Cơ quan thẩm tra quy tắc toán dự án hoàn thành

Trong dự án do B quyết định, V Tài chính là nhân viên giám sát thẩm tra quy tắc toán dự án hoàn thành (có sự tham gia của các nhân viên giám sát và VKHC) trước khi trình B phê duyệt quy tắc toán (không bao gồm các dự án B trình ý kiến cho các Tổng công trình phê duyệt quy tắc toán các dự án do các nhân viên trực thuộc Tổng công trình làm chủ).

Tổng công trình các Tổng công trình thực hiện thẩm tra quy tắc toán dự án hoàn thành về các dự án của B trình ý kiến cho Tổng công trình phê duyệt quy tắc toán hoàn thành.

Chương VI

I. U KHON THI HANH

Điều 20. Tổ chức thực hiện

1. VKHC

Hàng đầu các nhân viên trực tiếp xử lý các dự án đầu tư, tổng hợp chương trình đầu tư và phân bổ vốn kế hoạch hàng năm trình B trình phê duyệt; phối hợp với các nhân viên giám sát dự án trình B phê duyệt dự án đầu tư (gồm lập mô hình và dự kiến đầu tư); chịu trách nhiệm báo cáo và giám sát, đánh giá tiến độ đầu tư 6 tháng và năm gửi BKHC và đầu tư theo quy định.

2. Các Quy định xây dựng công trình

a) Hàng đầu trình trình, thẩm tra đầu tư xây dựng cơ bản, giám sát các công tác: lập, thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình; đầu tư (tư vấn, xây dựng, mua sắm hàng hóa); quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; quản lý chất lượng công trình xây dựng và các quy định liên quan;

b) Giám sát dự án, kế hoạch đầu tư đầu tư; kiểm tra, ôn tập chủ đầu tư và tiến độ, chất lượng công trình xây dựng; thẩm tra giám sát, đánh giá đầu tư; phối hợp với các Tổng công trình, Công ty, V trong việc nghiệm thu bàn giao công trình hoàn thành và vào khai thác sử dụng các dự án đầu tư xây dựng công trình của B trình giao;

c) Chịu trách nhiệm phối hợp với các nhân viên thuộc B tham gia ý kiến về thị trường sử dụng dự án nhóm A của B giao;

d) Tham mưu giúp Ban quản lý và chỉ đạo công tác xây dựng công trình thu nhập và quản lý nhà nước của B;

đ) Hàng ngày, kiểm tra và thực hiện nhiệm vụ kinh tế - kỹ thuật trong quá trình xây dựng công trình; tổ chức rà soát, xây dựng, thẩm định trình Ban công bố hoặc ban hành hồ sơ kỹ thuật liên quan đến xây dựng công trình áp dụng trong ngành;

e) Tổng hợp công tác quản lý, công tác quản lý chỉ đạo công tác xây dựng theo quy định của các dự án đầu tư xây dựng công trình do Ban quản lý.

3. Các Tổ chức, Cá nhân, Văn phòng Ban giao nhiệm vụ quản lý chi tiết chi nhiệm vụ trách nhiệm:

a) Ủy ban thẩm định dự án, kế hoạch đầu tư dự án; kiểm tra, ôn tập đầu tư và tiến độ, chỉ đạo công tác xây dựng; thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư; nghiệm thu bàn giao công trình hoàn thành và vào khai thác sử dụng các dự án đầu tư xây dựng công trình của Ban quản lý;

b) Chủ trì và phối hợp cùng các nhân viên thuộc Ban tổ chức tham gia ý kiến và thi công các công trình của Ban quản lý;

c) Hàng ngày, kiểm tra và thực hiện nhiệm vụ kinh tế - kỹ thuật liên quan đến đầu tư xây dựng công trình thu nhập và chuyên ngành phụ trách; tổ chức rà soát, xây dựng, thẩm định trình Ban công bố hoặc ban hành hồ sơ kỹ thuật - kỹ thuật áp dụng trong ngành;

d) Báo cáo Ban (qua Văn phòng Kế hoạch) kết quả thực hiện và gửi ngân hàng tháng của các dự án đầu tư xây dựng công trình của Ban quản lý;

đ) Báo cáo công tác quản lý, công tác quản lý chỉ đạo công tác xây dựng theo quy định của các dự án đầu tư xây dựng công trình do Ban quản lý và Ban (qua Ủy ban quản lý xây dựng công trình tổng hợp);

e) Tổng hợp trình các Tổ chức, Cá nhân, Văn phòng thẩm định phê duyệt quy toán các dự án hoàn thành của Ban quản lý quy định.

4. Văn phòng Ban tổ chức cán bộ: Chủ trì, hàng ngày cùng các Tổ chức, Cá nhân, Văn phòng và các nhân viên thuộc Ban trình Ban thành lập Ban chấp hành dự án nhóm A (nội bộ) và các tổ chức giúp Ban quản lý dự án theo quy định pháp luật.

5. Văn phòng Khoa học, công nghệ và Môi trường: Hàng ngày các chức năng và nhiệm vụ áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia theo quy định; Chủ trì, cùng các Tổ chức, Cá nhân, Văn phòng và các nhân viên thuộc Ban trình Ban thành lập Hội đồng khoa học, Hội đồng kỹ thuật cho các dự án đầu tư xây dựng công trình (nội bộ).

Chủ trì thẩm định sự phù hợp và tính hợp lý về các quy định hiện hành về công nghệ, môi trường và các dự án đầu tư mua sắm trang thiết bị, khoa học công nghệ.

Hàng đầu và chủ trì thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và các dự án đầu tư xây dựng công trình.

6. Văn Tài chính có trách nhiệm tổ chức hàng đầu công tác quy toán và đầu tư xây dựng cơ bản thu nhập ngân sách nhà nước theo niên ngân sách hàng năm và công tác quy toán các dự án hoàn thành; tổ chức thực hiện thẩm tra, phê duyệt quy toán dự án hoàn thành của Bộ trưởng y quy n.

7. Các chủ đầu tư chịu trách nhiệm thực hiện các quy định thông tin này và các quy định hiện hành.

a) Thực hiện chế độ báo cáo vắn, kết quả thực hiện và ghi ngân theo tháng, quý, 6 tháng, năm theo đúng quy định của nhà nước và của Bộ;

b) Thực hiện báo cáo và giám sát đánh giá đầu tư: Báo cáo tháng và báo cáo khi đi vào xây dựng dự án cho Bộ; Báo cáo quý, 6 tháng và năm các dự án nhóm A trình lên cho Bộ và Bộ Kế hoạch và đầu tư theo quy định;

c) Báo cáo nhân lực công tác đầu tư; tình hình danh sách các nhà thầu, các chi tiêu có liên quan vì phạm pháp luật và đầu tư, vốn huy động trong hoạt động xây dựng; tiến độ công trình xây dựng: 6 tháng, năm, kết thúc xây dựng công trình.

Điều 21. Hiệu lực thi hành

1. Thông tin này có hiệu lực sau 45 ngày kể ngày ký. Các quy định trước đây của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trái với Thông tin này bãi bỏ.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc các đơn vị kịp thời phản ánh với Bộ trưởng và Bộ (qua Cục Quản lý xây dựng công trình) xem xét, giải quyết./.

Nội dung:

- Văn phòng Chính phủ (báo cáo);
- Các Bộ: XD, KH&T, TC;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng;
- UBND, SNN&PTNT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các cơ quan kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ; Công báo;
- Các Tổng cục, Cục, Vụ và các đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu VT, XD.

BỘ TRƯỞNG

(chữ ký)

Cao Đức Phát